

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000968	Lê Phú An	13	11A1
2	000905	Bùi Diệp Anh	11	11A1
3	000901	Hoàng Đoàn Diệu Anh	10	11A1
4	000874	Lê Thị Hồng Anh	9	11A1
5	000937	Nguyễn Thụy Hồng Anh	12	11A1
6	000943	Phạm Ngọc Phi Bảo	12	11A1
7	001119	Nguyễn Thăng Ca	19	11A1
8	001181	Phạm Quốc Cường	22	11A1
9	001156	Nguyễn Thế Đức	21	11A1
10	001130	Đinh Nguyệt Hà	20	11A1
11	000739	Trình Thanh Hà	4	11A1
12	000670	Ngô Nhật Huy	1	11A1
13	000732	Nguyễn Ngọc Huyền	3	11A1
14	000967	Hồ Minh Hưng	13	11A1
15	001128	Nguyễn Minh Khải	20	11A1
16	000867	Trần Anh Khoa	9	11A1
17	000843	Lữ Đình Kiên	8	11A1
18	001036	Nguyễn Hoàng Mai Linh	16	11A1
19	000720	Trần Khánh Linh	3	11A1
20	000931	Trần Hiệp Kim Long	12	11A1
21	000877	Lê Anh Minh	9	11A1
22	000860	Trần Anh Minh	9	11A1
23	000765	Thân Đức Nghĩa	5	11A1
24	000683	Nguyễn Thiên Nguyên	1	11A1
25	000669	Kao Thơ Nhã	1	11A1
26	000745	Nguyễn Bá Nhân	4	11A1
27	000714	Nguyễn Huỳnh Xuân Nhân	3	11A1
28	001072	Phan Thảo Nhi	17	11A1
29	001084	Nguyễn Minh Phương	18	11A1
30	001148	Võ Hoàng Y Phương	21	11A1
31	000791	Huỳnh Mai Bảo Quyên	6	11A1
32	000940	Nguyễn Lê Đan Thanh	12	11A1
33	000784	Từ Xuân Thịnh	5	11A1
34	000925	Huỳnh Hưng Huyền Thoại	11	11A1
35	001104	Lê Văn Tiến	19	11A1
36	000748	Phạm Huỳnh Bảo Toàn	4	11A1
37	000738	Nguyễn Lâm Ngọc Trang	4	11A1
38	000803	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trân	6	11A1
39	000762	Trần Cát Tường	5	11A1
40	000756	Trần Dương Lợi Vĩ	4	11A1
41	000808	Dương Nguyễn Khánh Vy	6	11A1
43	000826	Nguyễn Trần Hà Minh	7	11A1

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000946	Phùng Ngọc Minh Anh	12	11A2
2	000794	Trần Nhật Anh	6	11A2
3	001076	Nguyễn Trần Gia Bảo	18	11A2
4	000884	Trần Thiên Bảo	10	11A2
5	001045	Trịnh Gia Bảo	16	11A2
6	000728	Trần Tâm Châu	3	11A2
7	000775	Lương Phương Dung	5	11A2
8	000724	Trương Minh Duy	3	11A2
9	000743	Lê Thành Đạt	4	11A2
10	000770	Lê Đình Khánh Đoàn	5	11A2
11	000828	Nguyễn Việt Đức	7	11A2
12	000970	Hà Thị Ngọc Hân	13	11A2
13	001000	Lê Hoàng Gia Hân	14	11A2
15	000755	Vũ Khánh Hoàng	4	11A2
16	001028	Nguyễn Hữu Thanh Hương	16	11A2
17	000749	Phan Đình Nguyên Khang	4	11A2
18	001095	Hoàng Ngọc Hương Lan	18	11A2
19	000969	Nguyễn Trần Phương Linh	13	11A2
20	000926	Mai Chánh Lộc	11	11A2
21	001089	Trần Tuấn Minh	18	11A2
22	000882	Nguyễn Lê Hà My	10	11A2
23	001182	Trần Quốc Nam	22	11A2
24	000667	Võ Ngọc Phương Nghi	1	11A2
25	000771	Huỳnh Tiên Bảo Ngọc	5	11A2
26	000895	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	10	11A2
27	000672	Nguyễn Phương Bảo Ngọc	1	11A2
28	001023	Nguyễn Vũ Nguyên	15	11A2
29	000757	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	4	11A2
30	000868	Dương Ngọc Diễm Phúc	9	11A2
31	000904	Tăng Phúc Quân	10	11A2
32	000949	Huỳnh Duy Tấn	12	11A2
33	000779	Trần Thị Thanh Thảo	5	11A2
34	000711	Đinh Kiều Bích Thùy	2	11A2
35	000776	Cao Vũ Anh Thư	5	11A2
36	000799	Lý Mạnh Tú	6	11A2
37	000769	Trần Anh Tú	5	11A2
38	000821	Đào Anh Tùng	7	11A2
39	000892	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	10	11A2
40	000978	Nguyễn Thị Hoa Vân	14	11A2
41	001024	Nguyễn Đoàn Diễm Vy	15	11A2
42	000733	Nguyễn Võ Nhật Vy	3	11A2
43	001049	Trần Lê Triệu Vy	17	11A2
44	000693	Võ Tường Vy	2	11A2

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	001251	Bùi Ngọc Trâm Anh	25	11A3
2	001242	Hồ Ngọc Anh	25	11A3
3	001197	Nguyễn Ngọc Tuyết Anh	23	11A3
4	001224	Trần Hồng Anh	24	11A3
5	001240	Trương Minh Anh	25	11A3
6	001256	Nguyễn Võ Thiên Bảo	25	11A3
7	001245	Nguyễn Thùy Dương	25	11A3
8	001223	Vương Tâm Đan	24	11A3
9	001270	Võ Thị Sen Hà	26	11A3
10	001267	Trần Hoàng Gia Huy	26	11A3
11	001249	Hoàng Thị Quỳnh Hương	25	11A3
12	001201	Nguyễn Thị Hồng Lam	23	11A3
13	001202	Đoàn Thị Diệu Linh	23	11A3
14	001252	Hoàng Ngọc Linh	25	11A3
15	001228	Nguyễn Thị Mỹ Linh	24	11A3
16	001209	Phạm Trần Khánh Linh	23	11A3
17	001215	Nguyễn Xuân Mai	24	11A3
18	001265	Nguyễn Đỗ Thanh Ngân	26	11A3
19	001235	Nguyễn Phương Ngân	25	11A3
20	001211	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	23	11A3
21	001253	Trần Ngọc Đông Nghi	25	11A3
22	001199	Đỗ Huỳnh Như Ngọc	23	11A3
23	001210	Phạm Khánh Ngọc	23	11A3
24	001225	Nguyễn Nguyệt Hiền Nhi	24	11A3
25	001239	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	25	11A3
26	001208	Bùi Thanh Tâm	23	11A3
27	001204	Trần Nguyễn Thảo Tâm	23	11A3
28	001213	Vũ Minh Tấn	23	11A3
29	001218	Đinh Thị Phương Thanh	24	11A3
30	001205	Đỗ Trịnh Thanh Thảo	23	11A3
31	001243	Lê Ngọc Thảo	25	11A3
32	001194	Nguyễn Hoàng Phương Thùy	23	11A3
33	001206	Nguyễn Thanh Hoài Thương	23	11A3
34	001241	Trần Lê Thy	25	11A3
35	001212	Đỗ Nguyễn Phương Uyên	23	11A3
36	001266	Nguyễn Mạnh Trúc Vy	26	11A3
37	001226	Nguyễn Hải Yến	24	11A3
38	001244	Nguyễn Hoàng Yến	25	11A3
39	001207	Nguyễn Thị Ngọc Yến	23	11A3
40	001232	Nguyễn Trần Lê Vy	24	11A3
41	001272	Nguyễn Thị Thanh Hiền	26	11A3
42	001262	Trần Phạm Ngọc Nam	26	11A3
43	001278	Phạm Trần Quốc Huy	26	11A3

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	001271	Trần Nguyễn Bình An	26	11A4
2	001198	Trương Thị Hoài An	23	11A4
3	001217	Phan Lê Văn Anh	24	11A4
4	001233	Nguyễn Thị Thiên Duyên	24	11A4
5	001261	Dương Ngọc Bảo Hân	26	11A4
6	001248	Nguyễn Hồng Hân	25	11A4
7	001236	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	25	11A4
8	001263	Trương Bảo Hân	26	11A4
9	001276	Vũ Huy Hoàng	26	11A4
10	001221	Nguyễn Lê Tấn Hưng	24	11A4
11	001229	Lê Tuấn Kiệt	24	11A4
12	001216	Nguyễn Phương Linh	24	11A4
13	001260	Nguyễn Thu Linh	26	11A4
14	001275	Trịnh Nguyễn Thùy Linh	26	11A4
15	001273	Nguyễn Minh Luận	26	11A4
16	001274	Lê Đăng Mạnh	26	11A4
17	001193	Phạm Triệu Mẫn	23	11A4
18	001238	Lê Thị Tuyết Ngân	25	11A4
19	001246	Ngô Lê Trung Nghĩa	25	11A4
20	001196	Hứa Tôn Nhân	23	11A4
21	001219	Nguyễn Trần Tuệ Nhi	24	11A4
22	001234	Trần Huỳnh Thảo Nhi	24	11A4
23	001227	Trần Ngọc Nguyên Nhi	24	11A4
24	001250	Trần Thị Yến Nhi	25	11A4
25	001203	Võ Huỳnh Khánh Như	23	11A4
26	001277	Trần Phương Phi	26	11A4
27	001257	Phan Nguyễn Hương Quỳnh	26	11A4
28	001195	Lê Ngọc Thảo	23	11A4
29	001231	Nguyễn Phương Thảo	24	11A4
30	001269	Huỳnh Hoàng Thư	26	11A4
31	001268	Nguyễn Thị Anh Thư	26	11A4
32	001258	Nguyễn Võ Anh Thư	26	11A4
33	001254	Nguyễn Việt Thương	25	11A4
34	001255	Nguyễn Yến Trang	25	11A4
35	001220	Tăng Thùy Trang	24	11A4
36	001259	Nguyễn Ngọc Trân	26	11A4
37	001200	Nguyễn Thanh Hà Trân	23	11A4
38	001264	Nguyễn Bảo Thoại Trinh	26	11A4
39	001222	Phạm Lê Anh Tú	24	11A4
40	001237	Hồ Viết Tường	25	11A4
41	001247	Nguyễn Đình Cát Tường	25	11A4
42	001214	Bạch Dương Khánh Vy	24	11A4
43	001230	Trần Tường Vy	24	11A4

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000902	Lương Xuân Bách	10	11A5
2	000999	Trần Quốc Bang	14	11A5
3	000696	Nguyễn Thị Thanh Bình	2	11A5
4	000781	Tạ Mỹ Tuyết Doanh	5	11A5
5	000831	Trần Hoàng Thiên Dung	7	11A5
6	000921	Nguyễn Huỳnh Triều Gia	11	11A5
7	000841	Phan Châu Giang	8	11A5
8	000717	Nguyễn Đức Việt Hải	3	11A5
9	000671	Trần Quang Huy	1	11A5
10	000706	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	2	11A5
11	000753	Lê Anh Khoa	4	11A5
12	000848	Nguyễn Tuấn Khoa	8	11A5
13	001147	Nguyễn Đăng Khôi	21	11A5
14	000954	Nguyễn Minh Khuê	13	11A5
15	000737	Vũ Diệu Linh	4	11A5
16	000783	Trần Ngọc Xuân Mai	5	11A5
17	001009	Nguyễn Khắc Bảo Minh	15	11A5
18	000777	Hoàng Nhật Nam	5	11A5
19	000694	Lê Bùi Ngọc Ngân	2	11A5
20	000890	Vũ Hoàng Nghĩa	10	11A5
21	000900	Nguyễn Vũ Kim Ngọc	10	11A5
22	000984	Nguyễn Hoàng Thu Nhi	14	11A5
23	000835	Nguyễn Vũ Yến Nhi	8	11A5
24	000687	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	1	11A5
25	000840	Lưu Sanh Nữ	8	11A5
26	000839	Lộc Lê Minh Phúc	8	11A5
27	001030	Dương Thanh Phước	16	11A5
28	000922	Trần Phương Thảo	11	11A5
29	000788	Mai Quốc Thắng	6	11A5
30	000836	Lê Hà Trường Thiên	8	11A5
31	000713	Đỗ Nguyễn Minh Thư	3	11A5
32	000766	Trần Quế Trân	5	11A5
33	000692	Nguyễn Ngọc Anh Tú	2	11A5
34	000993	Nguyễn Anh Tuấn	14	11A5
35	000945	Dương Hoàng Tú Uyên	12	11A5
36	000764	Lê Trọng Vinh	5	11A5
37	000677	Trà Ngọc Nguyên Vũ	1	11A5
38	000698	Đặng Nguyễn Dạ Vy	2	11A5
39	000666	Tạ Lê Thảo Vy	1	11A5

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000812	Giáp Thị Minh Anh	7	11A6
2	000740	Nguyễn Hải Anh	4	11A6
3	000742	Trương Nguyễn Quỳnh Anh	4	11A6
4	000697	Nguyễn Đình Quốc Bảo	2	11A6
5	000746	Nguyễn Trịnh Phi Chính	4	11A6
6	000932	Phạm Quốc Cường	12	11A6
7	000994	Hoàng Anh Dũng	14	11A6
8	000789	Nguyễn Diệu Thùy Dương	6	11A6
9	001149	Trần Hữu Đạt	21	11A6
10	000944	Đỗ Huỳnh Đông	12	11A6
11	001142	Hoàng Trọng Giáp	20	11A6
12	000966	Nguyễn Lê Gia Hân	13	11A6
13	000852	Dương Thanh Hoài	8	11A6
14	000736	Hoàng Nhật Huy	3	11A6
15	000929	Lê Đức Ngọc Huy	12	11A6
16	000679	Nguyễn Phúc Huy	1	11A6
17	000907	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	11	11A6
18	000710	Ngô Đăng Khoa	2	11A6
19	000668	Nguyễn Đăng Khôi	1	11A6
20	000832	Nguyễn Đình Đăng Khôi	7	11A6
21	001152	Nguyễn Đoàn Khánh Linh	21	11A6
22	000774	Nguyễn Mỹ Linh	5	11A6
23	000971	Hồ Cảnh Minh	13	11A6
24	001134	Hàng Bảo Ngọc	20	11A6
25	000795	Nguyễn Trí Nguyên	6	11A6
26	001046	Nguyễn Ngọc Nhi	16	11A6
27	000864	Phạm Quang Đại Phúc	9	11A6
28	001159	Vũ Minh Quang	21	11A6
29	001047	Nguyễn Văn Minh Quân	16	11A6
30	000730	Nguyễn Đình Quốc	3	11A6
31	000796	Lê Hồng Thanh	6	11A6
32	001146	Phan Ngọc Hương Thảo	21	11A6
33	000778	Trần Huỳnh Tiến	5	11A6
34	000673	Lê Toàn	1	11A6
35	000834	Trần Lê Ngọc Trang	8	11A6
36	000798	Hồ Phương Trinh	6	11A6
37	001135	Nguyễn Ngô Thùy Trinh	20	11A6
38	001143	Nguyễn Thanh Trúc	20	11A6
39	000897	Đào Duy Tùng	10	11A6
40	000705	Trần Cao Thanh Vân	2	11A6
41	000816	Lê Nguyễn Tường Vy	7	11A6
42	000699	Nguyễn Trần Khánh Vy	2	11A6
43	000682	Võ Nguyễn Tường Vy	1	11A6
44	000734	Trần Phan Vy	3	11A6

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	001091	Phan Nguyễn Hùng Anh	18	11A7
2	000837	Nguyễn Hồng Ân	8	11A7
3	000986	Đào Trung Bảo	14	11A7
4	000807	Dương Thùy Dung	6	11A7
5	001173	Phạm Thanh Hải	22	11A7
6	000674	Phạm Hồng Hân	1	11A7
7	001079	Trần Lê Hoàn	18	11A7
8	000833	Hà Nhựt Khang	8	11A7
9	001078	Lê Nguyễn Khang	18	11A7
10	000983	Phạm Lương Khiêm	14	11A7
11	000715	Nguyễn Đăng Anh Khoa	3	11A7
12	000700	Dương Thị Kim Liên	2	11A7
13	001153	Phan Thị Trà My	21	11A7
14	000988	Nguyễn Hoàng Ngọc Mỹ	14	11A7
15	000761	Nguyễn Choi Hàn Na	5	11A7
16	000727	Nguyễn Thành Nam	3	11A7
17	000849	Ngô Hoàng Bích Ngân	8	11A7
18	000800	Nguyễn Minh Phương Nghi	6	11A7
19	000817	Lê Trọng Nguyên	7	11A7
20	000721	Bùi Lê Quỳnh Nhi	3	11A7
21	000718	Phan Thảo Nhi	3	11A7
22	000754	Trần Lê Quỳnh	4	11A7
23	001141	Lê Hữu Trung Thiện	20	11A7
24	001006	Nguyễn Đức Thiện	15	11A7
25	000934	Trần Tiến Thịnh	12	11A7
26	000797	Đỗ Đăng Thuận	6	11A7
27	000680	Nguyễn Thị Phương Thùy	1	11A7
28	000827	Nguyễn Thanh Thủy	7	11A7
29	001106	Trần Đào Đình Thương	19	11A7
30	000998	Huỳnh Trung Tín	14	11A7
31	000869	Trần Đức Tín	9	11A7
32	001026	Phan Hoàng Ngọc Trâm	16	11A7
33	001116	Roãn Nguyễn Thanh Trúc	19	11A7
34	000960	Hồ Nguyễn Xuân Tuyền	13	11A7
35	000965	Tổng Thụy Vân	13	11A7
36	000763	Nguyễn Thế Vinh	5	11A7
37	000751	Trương Minh Vũ	4	11A7
38	000990	Nguyễn Đình Anh Vương	14	11A7
39	000750	Phạm Phương Trinh	4	11A7

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	000915	Hồ Nguyệt An	11	11A8
2	000906	Nguyễn Thụy Phương Anh	11	11A8
3	001033	Đỗ Xuân Bách	16	11A8
4	001092	Đặng Gia Bảo	18	11A8
5	001050	Hoàng Đức Gia Bảo	17	11A8
6	000819	Lê Vĩnh Bảo	7	11A8
7	000856	Nguyễn Nguyễn Gia Bảo	8	11A8
8	001068	Nguyễn Trần Thái Bảo	17	11A8
9	001056	Đỗ Hữu Bằng	17	11A8
10	000805	Phan Thanh Bình	6	11A8
11	000888	Trần Linh Chi	10	11A8
12	000917	Lê Trần Bảo Duy	11	11A8
13	001190	Huỳnh Minh Đức	22	11A8
14	000681	Nguyễn Nguyên Hải	1	11A8
15	000809	Nguyễn Ngọc Mỹ Hạnh	7	11A8
16	001012	Nguyễn Ngọc Gia Hân	15	11A8
17	001108	Nguyễn Thu Hiền	19	11A8
18	000995	Phạm Minh Hoàng	14	11A8
19	001058	Nguyễn Quang Huy	17	11A8
20	000722	Trương Quý Khiêm	3	11A8
21	000951	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khôi	12	11A8
22	000823	Lưu Thanh Kiệt	7	11A8
23	001016	Trần Thị Nguyệt Linh	15	11A8
24	001166	Lâm Đại Long	21	11A8
25	001088	Trần Xuân Lộc	18	11A8
26	000947	Nguyễn Văn Minh	12	11A8
27	000948	Trần Huỳnh Kiều My	12	11A8
28	000842	Trần Thảo My	8	11A8
29	000726	Nguyễn Đình Nam	3	11A8
30	000811	Trần Thị Bích Ngân	7	11A8
31	001123	Trần Huỳnh Bảo Ngọc	20	11A8
32	000824	Trần Đặng Yến Nhi	7	11A8
33	000974	Trần Thiên Phước	13	11A8
34	000973	Nguyễn Lâm Thiên Thiên	13	11A8
35	000977	Trần Ngọc Thủy Tiên	14	11A8
36	001007	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	15	11A8
37	000818	Nguyễn Quỳnh Thanh Trúc	7	11A8
38	000684	Nguyễn Nhật Trường	1	11A8
39	001096	Lê Thanh Vy	18	11A8

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	001131	Nguyễn Thúy Thùy An	20	11A9
2	001118	Lưu Hải Anh	19	11A9
3	000927	Nguyễn Lê Hà Anh	11	11A9
4	000910	Huỳnh Ngọc Ánh	11	11A9
5	001151	Tăng Thế Bá	21	11A9
6	001185	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	22	11A9
7	000866	Võ Ngọc Kiều Diễm	9	11A9
8	001027	Khổng Bảo Đình	16	11A9
9	001121	Ngô Bảo Duy	20	11A9
10	001060	Nguyễn Đại	17	11A9
11	000898	Nguyễn Thị Thu Hà	10	11A9
12	001035	Nguyễn Văn Hà	16	11A9
13	001105	Ngô Thị Mỹ Hiền	19	11A9
14	001070	Nguyễn Thế Huân	17	11A9
15	001063	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	17	11A9
16	001022	Nguyễn Đăng Khoa	15	11A9
17	001117	Trần Duy Khoa	19	11A9
18	001031	Lê Trung Kiên	16	11A9
19	001040	Phạm Tuấn Kiệt	16	11A9
20	001064	Nguyễn Vũ Quỳnh Lam	17	11A9
21	001004	Nguyễn Lê Hoàng Linh	15	11A9
22	000881	Thái Nguyễn Thùy Linh	10	11A9
23	001136	Huỳnh Hoàng Xuân Mai	20	11A9
24	001133	Hứa Hoàng Bảo Ngân	20	11A9
25	001077	Vũ Trần Thu Ngân	18	11A9
26	001038	Nguyễn Xuân Yến Nhi	16	11A9
27	001074	Trần Duy Phước	18	11A9
28	001171	Huỳnh Minh Quân	22	11A9
29	001075	Trịnh Xuân Thành	18	11A9
30	001032	Tạ Nguyên Thảo	16	11A9
31	001025	Nguyễn Hoàng Phước Thịnh	16	11A9
32	001161	Tăng Trường Thịnh	21	11A9
33	001175	Tạ Xuân Thông	22	11A9
34	001010	Ngô Thị Thủy Tiên	15	11A9
35	001081	Phạm Thanh Toàn	18	11A9
36	001013	Đàm Phương Bảo Trân	15	11A9
37	001085	Nguyễn Lê Thùy Trúc	18	11A9
38	001052	Trần Trung Trực	17	11A9
39	000731	Hồ Đăng Tuệ	3	11A9
40	000759	Phan Thị Ánh Tuyết	4	11A9
41	001127	Lê Cẩm Vy	20	11A9
42	001135	Phan Thị Ánh Tuyết	20	11A9
43	001162	Lê Cẩm Vy	21	11A9

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	001002	Nguyễn Phạm Trúc An	15	11A10
2	001037	Nguyễn Văn Anh	16	11A10
3	000875	Vũ Vương Minh Anh	9	11A10
4	000894	Hoàng Ngọc Khánh Ân	10	11A10
5	001094	Nguyễn Lê Minh Châu	18	11A10
6	000858	Nguyễn Phan Chí Cơ	9	11A10
7	001169	Huỳnh Nguyễn Mỹ Duyên	22	11A10
8	001098	Đỗ Đình Đồ	19	11A10
9	001160	Tạ Quang Đông	21	11A10
10	001069	Trần Thanh Hiền	17	11A10
11	000767	Cao Thanh Hiền	5	11A10
12	001065	Bùi Đức Huy	17	11A10
13	000889	Nguyễn Quang Huy	10	11A10
14	001140	Nguyễn Anh Gia Khánh	20	11A10
15	001129	Nguyễn Thị Mỹ Linh	20	11A10
16	000804	Nguyễn Hoàng Long	6	11A10
17	001107	Huỳnh Thị Trúc Ly	19	11A10
18	001145	Phùng Nguyễn Ngọc Minh	21	11A10
19	001059	Nguyễn Trần Thoại My	17	11A10
20	000760	Trần Đặng Kiều My	4	11A10
21	000938	Nguyễn Trần Phương Nam	12	11A10
22	000689	Lư Gia Nghi	2	11A10
23	001174	Đỗ Thái Khôi Nguyên	22	11A10
24	001041	Hàng Thy Nhã	16	11A10
25	001188	Nguyễn Đặng Duy Nhân	22	11A10
26	001011	Nguyễn Hưng Phát	15	11A10
27	000822	Trần Văn Phú	7	11A10
28	000972	Hồ Nhật Quảng	13	11A10
29	001122	Nguyễn Ngọc Minh Quân	20	11A10
30	000806	Trần Văn Quý	6	11A10
31	000801	Nguyễn Văn Quỳnh	6	11A10
32	001170	Hồ Tiến Sang	22	11A10
33	001090	Lý Thu Thảo	18	11A10
34	001001	Đàm Xuân Thuận	15	11A10
35	001189	Trần Ngọc Thủy Tiên	22	11A10
36	000772	Nguyễn Hoàng Bảo Trâm	5	11A10
37	000886	Nguyễn Bùi Ái Trân	10	11A10
38	001057	Lý Minh Trí	17	11A10
39	001172	Sử Hữu Thiên Trường	22	11A10
40	000982	Đoàn Huỳnh Hạ Vy	14	11A10
41	000920	Phạm Thanh Vy	11	11A10
42	001021	Đỗ Hoàng Yến	15	11A10
43	001191	Trần Bích Phương	22	11A10

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	001110	Nguyễn An	19	11A11
2	001067	Hà Phương Anh	17	11A11
3	000752	Vũ Thị Vân Anh	4	11A11
4	000678	Đinh Ngọc Kim Dung	1	11A11
5	000709	Huỳnh Nhật Duy	2	11A11
6	000735	Nguyễn Lê Kỳ Duyên	3	11A11
7	001017	Lê Tấn Đạt	15	11A11
8	001112	Lê Trần Thành Đạt	19	11A11
9	001015	Vũ Thu Hằng	15	11A11
10	001051	Bùi Huy Hoàng	17	11A11
11	001003	Đoàn Bảo Khoa	15	11A11
12	000980	Trần Anh Khoa	14	11A11
13	000859	Lê Thanh Kiều	9	11A11
14	001099	Ngô Mỹ Linh	19	11A11
15	000712	Hoàng Ngọc Mai	2	11A11
16	001184	Phạm Thị Xuân Mai	22	11A11
17	001080	Lê Thái Minh	18	11A11
18	000685	Mai Nhật Nam	1	11A11
19	000854	Nguyễn Thành Nam	8	11A11
20	000785	Lý Thành Nghĩa	6	11A11
21	001163	Đinh Sư Đông Nguyên	21	11A11
22	001087	Nguyễn Trần Uyên Nhã	18	11A11
23	000665	Huỳnh Minh Nhật	1	11A11
24	000896	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10	11A11
25	001101	Hà Hồng Phúc	19	11A11
26	000820	Phạm Thiên Phúc	7	11A11
27	000675	Nguyễn Phúc Thiên Sa	1	11A11
28	000976	Nguyễn Tấn Tài	13	11A11
29	000790	Ngô Trương Phương Thảo	6	11A11
30	001034	Nguyễn Huỳnh Hữu Thắng	16	11A11
31	001113	Thạch Minh Thịnh	19	11A11
32	001061	Đặng Văn Thông	17	11A11
33	000707	Trần Ngọc Anh Thư	2	11A11
34	001114	Lê Thụy Băng Trinh	19	11A11
35	000873	Trần Thị Việt Trinh	9	11A11
36	000959	Phạm Nguyên Tú	13	11A11
37	000825	Mai Cát Tường	7	11A11
38	000979	Nguyễn Kim Uyên	14	11A11
39	001019	Nguyễn Anh Vy	15	11A11
40	001018	Vũ Hoàng Di Ý	15	11A11

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	001044	Nguyễn Phương Hoàng Anh	16	11A12
2	000844	Trần Hà Anh	8	11A12
3	000871	Trần Thị Quỳnh Anh	9	11A12
4	000851	Đổng Thiên Ân	8	11A12
5	000928	Cao Mỹ Bình	11	11A12
6	001083	Đào Trường Dũng	18	11A12
7	001138	Nguyễn Anh Duy	20	11A12
8	001102	Nguyễn Ngọc Minh Đức	19	11A12
9	001150	Già Võ Anh Hòa	21	11A12
10	000923	Nguyễn Thị Hiền Hòa	11	11A12
11	000861	Hồ Đình Quốc Huy	9	11A12
12	000958	Lý Gia Huy	13	11A12
13	000930	Nguyễn Triệu Huy	12	11A12
14	001082	Phạm Quang Huy	18	11A12
15	000935	Trần Nguyễn Thụy Khanh	12	11A12
16	000729	Phan Anh Kỳ	3	11A12
17	001071	Trần Thành Long	17	11A12
18	000702	Trần Thiên Lộc	2	11A12
19	000939	Đoàn Thị Kim Ngân	12	11A12
20	000703	Nguyễn Ngọc Hoàng Nhi	2	11A12
21	000913	Trần Hữu Phát	11	11A12
22	001155	Phạm Hoàng Phúc	21	11A12
23	000989	Hồ Minh Phương	14	11A12
24	000690	Ngô Thúy Phương	2	11A12
25	000695	Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương	2	11A12
26	001154	Lê Nguyễn Minh Quân	21	11A12
27	000879	Nguyễn Ngọc Mai Thanh	9	11A12
28	000914	Nguyễn Ngọc Mỹ Thanh	11	11A12
29	000850	Võ Dương Thanh Thủy	8	11A12
30	000865	Ngô Thái Minh Tiến	9	11A12
31	000814	Lê Thị Ngọc Trâm	7	11A12
32	000992	Bùi Bảo Trân	14	11A12
33	000768	Lê Hoàng Bảo Trân	5	11A12
34	000780	Lê Huỳnh Bảo Trân	5	11A12
35	000853	Đào Thanh Trúc	8	11A12
36	001048	Hà Văn Tuấn	16	11A12
37	000893	Phạm Ngọc Tú Uyên	10	11A12
38	001029	Nguyễn Hoàng Đức Việt	16	11A12
39	001043	Huỳnh Ngọc Thảo Vy	16	11A12
40	001053	Phạm Kiều Vy	17	11A12

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	001093	Đỗ Thụy Trâm Anh	18	11A13
2	000912	Lê Thị Lan Anh	11	11A13
3	000918	Phan Ngọc Phương Anh	11	11A13
4	000916	Từ Huỳnh Thy Anh	11	11A13
5	001177	Hoàng Trọng Bảo	22	11A13
6	001162	Nguyễn Gia Bảo	21	11A13
7	001086	Phạm Nhật Đăng	18	11A13
8	001186	Huỳnh Xuân Đức	22	11A13
9	001020	Dư Lê Chí Hào	15	11A13
10	000741	Trần Nguyễn Xuân Hiên	4	11A13
11	000719	Ngô Sĩ Hoàng	3	11A13
12	000987	Nguyễn Việt Khánh Hoàng	14	11A13
13	000802	Trần Nguyễn Mai Huê	6	11A13
14	000863	Huỳnh Trần Quốc Huy	9	11A13
15	000963	Nguyễn Quang Huy	13	11A13
16	001111	Phạm Đắc Trường Huy	19	11A13
17	001139	Trần Gia Huy	20	11A13
18	000991	Đậu Thị Quỳnh Hương	14	11A13
19	000876	Lê Huỳnh Đăng Khoa	9	11A13
20	000744	Lê Chang My	4	11A13
21	001180	Trần Hoàng Nguyên	22	11A13
22	001137	Dương Ngọc Uyên Nhi	20	11A13
23	000924	Nguyễn Thiên Phúc	11	11A13
24	000903	Phạm Lê Hoàng Phúc	10	11A13
25	000846	Nguyễn Trần Nam Phương	8	11A13
26	000883	Võ Nguyễn Minh Quân	10	11A13
27	000975	Phạm Quý	13	11A13
28	000847	Vương Ngọc Như Quỳnh	8	11A13
29	000855	Nguyễn Thị Minh Tâm	8	11A13
30	001158	Hà Phương Thảo	21	11A13
31	001157	Nguyễn Phước Thịnh	21	11A13
32	000838	Lưu Trúc Tiên	8	11A13
33	001120	Nguyễn Minh Tiến	19	11A13
34	000936	Trần Phạm Ngọc Trinh	12	11A13
35	000941	Lý Thanh Trúc	12	11A13
36	001144	Trần Quốc Trung	20	11A13
37	001014	Võ Ngọc Kim Tuyền	15	11A13
38	001054	Nguyễn Hải Vân	17	11A13
39	000786	Lê Hà Nhật Vy	6	11A13
40	000956	Nguyễn Hoàng Bảo Vy	13	11A13

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	001005	Huỳnh Thị Hoàng Anh	15	11A14
2	000787	Nguyễn Ngọc Phương Anh	6	11A14
3	001132	Nguyễn Quốc Anh	20	11A14
4	000792	Lê Thị Huyền Diệu	6	11A14
5	000950	Trương Tây Duy	12	11A14
6	000782	Nguyễn Ngọc Phúc Duyên	5	11A14
7	000878	Nguyễn Lê Quốc Đạt	9	11A14
8	000911	Hồ Gia Hân	11	11A14
9	000845	Nguyễn Thị Thu Hiền	8	11A14
10	000872	Nguyễn Tài Hiều	9	11A14
11	000688	Lê Văn Thanh Hoàng	1	11A14
12	000830	Nguyễn Minh Hùng	7	11A14
13	000862	Mai Hương Ngọc Lan	9	11A14
14	000961	Phan Trần Khánh Linh	13	11A14
15	001179	Chu Phú Mạnh	22	11A14
16	000810	Hoàng Yến Ngọc	7	11A14
17	000686	Nguyễn Hạnh Nguyên	1	11A14
18	001126	Lương Lâm Yến Nhi	20	11A14
19	001192	Nguyễn Tấn Phong	22	11A14
20	000908	Nguyễn Quang Duy Quang	11	11A14
21	000933	Hoàng Nhật Quân	12	11A14
22	001124	Lê Hoàng Tú Quyên	20	11A14
23	000691	Hoàng Phạm Như Quỳnh	2	11A14
24	000857	Văn Như Quỳnh	9	11A14
25	001168	Trương Đức Sang	21	11A14
26	000708	Lâm Nguyễn Anh Thư	2	11A14
27	001042	Lê Anh Thư	16	11A14
28	000676	Trương Hoàng Anh Thư	1	11A14
29	000997	Nguyễn Thị Thùy Tiên	14	11A14
30	000885	Nguyễn Đoàn Công Tiến	10	11A14
31	001125	Nguyễn Thanh Trà	20	11A14
32	000701	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	2	11A14
33	000758	Lê Thảo Phương Trinh	4	11A14
34	000981	Hồ Đặng Minh Tú	14	11A14
35	000942	Nguyễn Anh Tuấn	12	11A14
36	001066	Đào Đức Tùng	17	11A14
37	000887	Lâm Phương Uyên	10	11A14
38	000891	Nguyễn Bùi Như Uyên	10	11A14
39	001176	Trần Đặng Khánh Vinh	22	11A14
40	000880	Nguyễn Tường Khánh Vy	9	11A14

**DANH SÁCH THÍ SINH THI GIỮA HKII
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	SBD	HỌ TÊN HỌC SINH	PHÒNG	LỚP
1	001055	Phạm Trần Văn Anh	17	11A15
2	000953	Quách Tiến Anh	13	11A15
3	001183	Lương Công Hiền	22	11A15
4	000725	Hoàng Quốc Khánh	3	11A15
5	000899	Lao Quang Kiệt	10	11A15
6	000773	Nguyễn Linh Lam	5	11A15
7	001008	Nguyễn Khánh Linh	15	11A15
8	000815	Nguyễn Hải Minh	7	11A15
9	000723	Ngô Nhật Nam	3	11A15
10	000813	Trịnh Hoàng Nam	7	11A15
11	000996	Lê Ngọc Song Nghi	14	11A15
12	000829	Nguyễn Như Ngọc	7	11A15
13	000955	Nguyễn Phước Nguyên	13	11A15
14	000716	Hồ Thanh Nhân	3	11A15
15	000962	Nguyễn Trần Hồng Nhung	13	11A15
16	001100	Vũ Tấn Phước	19	11A15
17	001164	Trương Phú Quý	21	11A15
18	000747	Trần Lê Khánh Quỳnh	4	11A15
19	001187	Nguyễn Văn Hoàng Sơn	22	11A15
20	001178	Bùi Ngọc Trí Thanh	22	11A15
21	000704	Văn Công Thắng	2	11A15
22	001103	Đỗ Quang Thiện	19	11A15
23	000952	Ninh Thị Thanh Thùy	12	11A15
24	000985	Lê Anh Thư	14	11A15
25	001109	Nguyễn Ngọc Anh Thư	19	11A15
26	001039	Trần Minh Anh Thư	16	11A15
27	000870	Nguyễn Trần Hữu Trí	9	11A15
28	000964	Phạm Thanh Trúc	13	11A15
29	001073	Dương Trí Trường	18	11A15
30	001115	Vũ Hữu Tuấn	19	11A15
31	001062	Đinh Thị Phương Uyên	17	11A15
32	000793	Nguyễn Thị Phương Uyên	6	11A15
33	001165	Nguyễn Thị Thanh Vân	21	11A15
34	001097	Trung Thiên Vũ	19	11A15
35	000909	Ngô Thị Tường Vy	11	11A15
36	000919	Phạm Nguyễn Phương Vy	11	11A15
37	000957	Văn Thị Kim Yến	13	11A15
38	001167	Võ Thế Vinh	21	11A15